TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh La Văn N, sinh ngày 01/01/1989; Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là khóm C, phường T, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích P, sinh ngày 19/12/2001; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là tổ A, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh La Văn N, trình bày: Năm 2025, nhờ người mai mối nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho anh và chị Trần Thị Bích P vào ngày 28/3/2025. Sau khi cưới về sống chung nhà với gia đình anh, không có đăng ký kết hôn. Mấy ngày đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến ngày 06/4/2025, chị P về nhà đám giỗ ông bà, rồi trốn đi luôn, không rõ lý do. Anh liên lạc tìm chị P nhưng không thấy. Anh nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không hàn gắn

được nữa nên yêu cầu ly hôn với chị P. Về con chung: Chưa có. Về tài sản chung: Trong ngày cưới, mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị L cho hai vợ chồng 08 chỉ vàng 24kra, 9T8 (Đôi bông tai 01 chỉ, dây chuyền 04 chỉ, lắc tay 03 chỉ), để có vốn làm ăn. Do chị P tự ý bỏ nhà đi không lý do, anh N yêu cầu được hưởng 08 chỉ vàng này. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Bích P đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng chị P vẫn không có mặt cũng không gởi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án đề nghị, về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị P. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đôi tài sản chung, bị đơn được sở hữu 04 chỉ vàng, buộc giao lại cho nguyên đơn 04 chỉ vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh La Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Bích P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị P không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra nên anh N không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của anh N, theo Xác nhận ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H (nay là phường T) và Xác nhận ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã T) thì anh N và chị P chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... N1, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật*

này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị P.

[5] Về con chung: Chưa có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Xét yêu cầu của anh N yêu cầu được sở hữu toàn bộ số vàng cưới là có một phần căn cứ để chấp nhận, vì: Anh thống nhất là tài sản chung được cho trong ngày cưới. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình về giải quyết quan hệ tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ vào các Điều 208, 210, 213, 219, 221 và 223 của Bộ luật Dân sự xác định: Anh chị được tặng cho chung trong ngày cưới là 08 chỉ vàng 24kra; Loại vàng theo hóa đơn bán hàng của T Vàng Kim Hoa Bé Sáu, địa chỉ: A T, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp là vàng HL93%; Là tài sản chung của vợ chồng do chị P đang quản lý. Tuy anh chị không đăng ký kết hôn, nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh N, chị P được sở hữu 04 chỉ vàng, buộc giao lại cho anh N 04 chỉ vàng.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18, các điểm a và b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và phải chịu 2.244.000 đồng đối với phần tài sản được chia, tổng cộng 2.544.0000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.200.000 đồng, còn phải nộp tiếp 344.000 đồng. Buộc chị P phải chịu 2.244.000 đồng đối với phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 16, 53 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 208, 210, 213, 219, 221 và 223 của Bộ luật Dân sự; Điều 18, các điểm a và b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh La Văn N và chị Trần Thị Bích P.

2. Về chia tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn anh La Văn N.

2.1. Chia cho anh La Văn N được quyền sở hữu 04 (bốn) chỉ vàng 24kra 93%. Chị P đang quản lý vàng. Buộc chị Trần Thị Bích P giao lại cho anh La Văn N 04 (bốn) chỉ vàng 24kra 93%.

2.2. Chia cho chị Trần Thị Bích P 04 (bốn) chỉ vàng 24kra 93%, chị đang quản lý được tiếp tục sở hữu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh La Văn N phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và phải chịu 2.244.000 đồng án phí đối với phần tài sản được chia, tổng cộng 2.544.0000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.200.000 đồng theo biên lai số 0014769 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp), còn phải nộp tiếp 344.000 (ba trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

3.2. Buộc chị P phải chịu 2.244.000 (hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng án phí đối với phần tài sản được chia.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22 tháng 8 năm 2025); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú